

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 02 – 2026

V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Phước Long

2. Ông Trần Văn Triều

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ D, khóm A, phường C, tỉnh V.

CCCD số 087078020680 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ C1.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, tỉnh Đ.

Địa chỉ trước khi sáp nhập: Tổ A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đ.

CMND số: 341016887 cấp ngày 27/7/1996 tại Công an tỉnh Đ.

Định danh cá nhân số 087180006515.

(*Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt do mất tích*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày:

Vợ chồng anh T với chị C quen biết nhau năm 1998, sau thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm thì tiến tới hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đ ngày 13/12/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021 thì chị C tự động bỏ nhà ra đi không rõ nguyên nhân, anh T không biết chị C đi đâu, làm gì. Sau đó anh T có đi hỏi thăm, tìm kiếm vợ anh khắp nơi nhưng không có tin tức.

Tháng 02/2025 anh T có làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích và đã được Tòa án giải quyết tuyên bố chị C mất tích theo quyết định số 28/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị C có 2 con chung: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2006, hiện hai con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay anh Nguyễn Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc C.

- Về nuôi con chung: 2 con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2006, hiện đều đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C: Đã mất tích nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị Ngọc C ly hôn.

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Năm 2025, anh Nguyễn Hồng T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị Ngọc C mất tích. Quá trình thụ lý, giải quyết, anh T có đăng tin thông báo tìm kiếm chị C trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức gì. Ngày 05/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp đã có Quyết định số 28/2025/QĐST-DS về việc tuyên bố chị C mất tích.

Ngày 17/10/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp thụ lý đơn khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị C. Quá trình thụ lý, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị C vẫn vắng mặt không lý do, không có tin tức về việc chị C ở đâu, làm gì.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng chị C vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc anh Nguyễn Hồng T yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (N là xã T), tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Anh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021 thì chị C tự động bỏ nhà ra đi không rõ nguyên nhân, anh T không biết chị C đi đâu, làm gì. Sau đó anh T có đi hỏi thăm, tìm kiếm vợ anh khắp nơi nhưng không có tin tức. Anh T cũng đã thực hiện các thủ tục tìm kiếm chị C trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, nên yêu cầu được ly hôn chị C.

Tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp vợ chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”

Do đó, việc anh T yêu cầu ly hôn chị C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 51, Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Anh T và chị C có 02 con chung: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2006, hiện hai cháu đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên không xem xét.

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu số tiền là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng T. Cho anh Nguyễn Hồng T và chị Nguyễn Thị Ngọc C ly hôn.

2. Về nuôi con chung: 2 con chung của anh T và chị C gồm: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 24/8/2000 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2006, hiện đều đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân, đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hồng T trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hồng T nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh T đã nộp ngày 17/10/2025 theo biên lai thu số 0005203 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Trí